

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 162/2007/TT-BTC

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2007

THÔNG TƯ**hướng dẫn Chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng đối với
Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang**

*Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước;
Căn cứ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí,
lệ phí;*

*Căn cứ Quyết định số 65/2007/QĐ-
TTg ngày 11/5/2007 của Thủ tướng
Chính phủ về việc ban hành Quy chế
hoạt động của Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh
An Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 53/2001/QĐ-
TTg ngày 19/4/2001 của Thủ tướng
Chính phủ về chính sách đối với Khu
kinh tế cửa khẩu biên giới*

*Căn cứ Quyết định số 273/2005/QĐ-
TTg ngày 31/10/2005 của Thủ tướng
Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một
số điều của Quyết định số 53/2001/QĐ-
TTg ngày 19/4/2001 của Thủ tướng
Chính phủ về chính sách đối với Khu
kinh tế cửa khẩu biên giới*

Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ

*Công thương tại Công văn số 3211/BCT-
XNK ngày 21/11/2007, Bộ Văn hóa, Thể
thao và Du lịch tại công văn số 1432/
TCDL-KHTC ngày 23/11/2007, Bộ Kế
hoạch và Đầu tư tại Công văn số 5835/
BKH/TM&DV ngày 14/8/2007, Ủy ban
nhân dân tỉnh An Giang tại công văn
số 2360/UBND-TH ngày 18/7/2007, Bộ
Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính áp
dụng tại Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An
Giang như sau:*

I. QUY ĐỊNH CHUNG**1. Phạm vi áp dụng:**

Chế độ tài chính và thủ tục hải quan quy định tại Thông tư này được áp dụng trong phạm vi địa bàn Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là Khu KTCK) có diện tích 265,83 km²,

được quy định cụ thể tại Điều 2, Quy chế hoạt động của Khu KTCK tỉnh An Giang ban hành theo Quyết định số 65/2007/QĐ-TTg ngày 11/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 65/2007/QĐ-TTg).

2. Đối tượng áp dụng:

Đối tượng áp dụng các chính sách ưu đãi về tài chính quy định tại Thông tư này là các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Khu KTCK, bao gồm:

2.1. Các nhà đầu tư trong nước thuộc các thành phần kinh tế hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp Nhà nước, Luật doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và cá nhân hành nghề độc lập.

2.2. Các tổ chức, cá nhân nước ngoài bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; nhà đầu tư nước ngoài tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh; người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoạt động theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi), Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài kinh doanh không theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Chỉ các hoạt động sản xuất kinh doanh được tiến hành tại địa bàn Khu thương mại và công nghiệp mới được hưởng các ưu đãi dành cho địa bàn khu thương

mại và công nghiệp quy định tại Thông tư này. Trường hợp các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh cả tại địa bàn Khu thương mại và công nghiệp và trong nội địa Việt Nam thì phải hạch toán riêng các hoạt động kinh doanh tại địa bàn Khu thương mại và công nghiệp làm căn cứ xác định chế độ ưu đãi.

Đối với dự án khuyến khích đầu tư đã được cấp giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư có mức ưu đãi về thuế cao hơn mức ưu đãi quy định tại Quyết định 65/2007/QĐ-TTg thì tiếp tục thực hiện theo mức ưu đãi ghi trong giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho thời gian còn lại của dự án; trường hợp trong giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư quy định mức ưu đãi về thuế thấp hơn thì được hưởng mức ưu đãi theo quy định của Quyết định 65/2007/QĐ-TTg cho thời gian ưu đãi còn lại.

3. Giải thích từ ngữ:

Trong Thông tư này, cụm từ “Khu Thương mại và công nghiệp” là Khu Thương mại và Công nghiệp (sau đây gọi tắt là KTM-CN) thuộc Khu KTCK tỉnh An Giang, là một loại hình khu phi thuế quan theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, có quy mô, vị trí được xác định trong quy hoạch chung và chi tiết của Khu KTCK tỉnh An Giang.

Cụm từ “nội địa Việt Nam” là phần còn lại của Khu KTCK không bao gồm KTM-CN và phần lãnh thổ nước Việt Nam ngoài Khu KTCK tỉnh An Giang.

4. Điều kiện áp dụng chế độ tài chính đối với KTM-CN:

KTM-CN được hưởng các chế độ ưu đãi về tài chính quy định tại Thông tư này khi bảo đảm đồng thời các điều kiện sau:

- Có hàng rào cứng bảo đảm cách ly các hoạt động trong KTM-CN với nội địa Việt Nam;

- Trong KTM-CN không có khu dân cư, không có dân cư (kể cả người nước ngoài) cư trú hoặc tạm trú thường xuyên;

- Có Trạm Kiểm soát hải quan để giám sát, kiểm tra người, hàng hóa và các phương tiện ra, vào KTM-CN.

5. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu tại KTM-CN và một số quy định chung về hải quan đối với KTM-CN:

- Quan hệ trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa KTM-CN và nội địa Việt Nam được coi là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu và phải tuân theo các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ.

- Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh tại KTM-CN được xuất khẩu,

nhập khẩu các loại hàng hóa, trừ các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- Tổng Cục Hải quan thành lập các trạm kiểm soát hải quan KTM-CN tại các cổng ra, vào KTM-CN. Các trạm hải quan KTM-CN chịu sự quản lý trực tiếp của Chi cục hải quan cửa khẩu đóng trên địa bàn có khu KTCK.

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thuộc loại hình nào thì áp dụng quy trình thủ tục hải quan hiện hành đối với loại hình đó.

- Định kỳ 6 tháng, doanh nghiệp KTM-CN có trách nhiệm gửi cơ quan hải quan Báo cáo quyết toán vật tư, nguyên vật liệu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong kỳ và Báo cáo xuất - nhập - tồn kho sản phẩm. Cơ quan hải quan kiểm tra đối chiếu và gửi cơ quan thuế để kiểm tra xác định các khoản thuế phải nộp.

- Trong địa bàn hoạt động của hải quan, cơ quan hải quan chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện

công tác phòng chống buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới theo quy định của Luật Hải quan.

6. Nguyên tắc ưu đãi đầu tư:

Tổ chức, cá nhân đầu tư vào KTM - CN được hưởng ưu đãi dành cho các dự án đầu tư ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các ưu đãi theo điều ước quốc tế, các hợp đồng thương mại song phương và đa phương mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định các mức ưu đãi khác nhau về cùng một vấn đề thì được áp dụng mức ưu đãi quy định tại văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định về cùng một vấn đề do cùng một cơ quan ban hành mà có quy định khác nhau thì áp dụng quy định của văn bản được ban hành sau.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Chính sách thuế đối với KTM-CN

1.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Các dự án đầu tư vào KTM-CN được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập

doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế; được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm kế tiếp.

- Đối với dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất được ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh hoạt động kinh doanh trong KTM-CN, sau khi đã quyết toán với cơ quan thuế mà bị lỗ thì được chuyển lỗ sang những năm sau để trừ vào thu nhập chịu thuế, đồng thời thông báo cho cơ quan thuế biết bằng văn bản cùng lúc nộp tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm. Thời gian được chuyển lỗ không quá 5 năm.

- Thu nhập chịu thuế đối với khoản thu nhập có được từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất gắn với kết

cấu hạ tầng, vật kiến trúc trên đất phải nộp thuế thu nhập theo quy định văn bản hướng dẫn thi hành về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp có trách nhiệm đăng ký với cơ quan thuế nơi doanh nghiệp kê khai nộp thuế về thời gian thực hiện miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại điểm này. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và chuyên lỗ trên đây chỉ áp dụng đối với những cơ sở sản xuất kinh doanh đã thực hiện đúng, đầy đủ chế độ tài chính - kế toán và đã đăng ký nộp thuế theo kê khai.

1.2. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

a) Hàng hóa, dịch vụ từ nước ngoài, từ nội địa Việt Nam nhập khẩu vào KTM-CN và chỉ sử dụng trong KTM-CN được miễn thuế nhập khẩu.

b) Hàng hóa, dịch vụ từ KTM-CN nhập vào nội địa Việt Nam:

- Hàng hóa có xuất xứ từ nước ngoài phải nộp thuế nhập khẩu theo quy định hiện hành.

- Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại KTM-CN nếu phần giá trị hàng hóa xuất xứ ASEAN chiếm từ 40% trở lên, được xác nhận bằng giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ASEAN - Mẫu D và đủ điều kiện theo quy định hiện hành

được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi CEPT khi nhập vào nội địa Việt Nam.

- Hàng hóa từ KTM-CN nhập khẩu vào nội địa Việt Nam nếu có xuất xứ sản xuất tại Lào được giảm thuế nhập khẩu trên cơ sở các văn bản Điều ước ký kết giữa Chính phủ hai nước và các văn bản hướng dẫn.

- Hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa có xuất xứ KTM-CN do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành theo từng thời kỳ (gọi tắt là Danh mục hàng hóa xuất xứ KTM-CN An Giang) không phải nộp thuế nhập khẩu khi nhập khẩu vào nội địa Việt Nam, bao gồm: Hàng hóa nông sản do dân cư sản xuất trong KTM-CN; Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại KTM-CN không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài.

Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại KTM-CN có sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu trực tiếp từ nước ngoài (không bao gồm hàng hóa nhập từ nội địa Việt Nam có sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài), khi nhập khẩu vào nội địa Việt Nam chỉ phải nộp thuế nhập khẩu đối với phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong hàng hóa đó.

Căn cứ để xác định thuế nhập khẩu phải nộp đối với phần nguyên liệu, linh

kiện nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong hàng hóa nhập vào nội địa Việt Nam là: Giá tính thuế xác định xác định theo quy định hiện hành; Số lượng hàng hóa nhập khẩu vào nội địa Việt Nam; Thuế suất thuế nhập khẩu đối với từng loại nguyên liệu, linh kiện. Giá tính thuế và thuế suất áp dụng tại thời điểm mở tờ khai nhập khẩu vào nội địa.

Doanh nghiệp, cá nhân có cơ sở sản xuất kinh doanh tại KTM-CN có trách nhiệm đăng ký với cơ quan Hải quan về danh mục hàng hóa nhập khẩu sử dụng làm nguyên liệu sản xuất hàng nhập khẩu vào nội địa và định mức nguyên liệu, linh kiện dùng để sản xuất hàng nhập khẩu trước khi nhập vào nội địa phù hợp với yêu cầu của cơ quan Hải quan. Trường hợp không đáp ứng được yêu cầu của cơ quan Hải quan về việc đăng ký danh mục hàng hóa nhập khẩu sử dụng làm nguyên liệu sản xuất hàng nhập khẩu vào nội địa và định mức nguyên liệu, linh kiện dùng để sản xuất hàng nhập khẩu trước khi nhập vào nội địa thì thực hiện theo quy định chung tại Thông tư số 59/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

1.3. Thuế tiêu thụ đặc biệt:

- Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được sản xuất, tiêu

thụ trong KTM-CN không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, bao gồm: hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được sản xuất, cung ứng và tiêu thụ trong KTM-CN; hàng hóa từ nước ngoài nhập vào KTM-CN. Riêng ô tô dưới 24 chỗ ngồi từ nội địa xuất vào KTM-CN; từ nước ngoài nhập vào KTM-CN thực hiện nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định chung hiện hành.

- Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ KTM-CN xuất khẩu ra nước ngoài không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ KTM-CN nhập vào nội địa Việt Nam phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng nhập khẩu theo quy định hiện hành.

- Hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nếu mượn đường, quá cảnh qua các cửa khẩu KTM-CN trên cơ sở hiệp định song phương, đa phương đã ký kết hoặc ngành, địa phương được Thủ tướng Chính phủ cho phép thì không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

1.4. Thuế giá trị gia tăng:

Các doanh nghiệp và cá nhân có cơ sở sản xuất kinh doanh tại KTM-CN được sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định hiện hành, thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng đối với

trường hợp thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Thông tư này. Đối với những trường hợp hàng hóa không phải nộp thuế giá trị gia tăng, trong hóa đơn thuế giá trị gia tăng, dòng thuế giá trị gia tăng được gạch chéo (x). Cụ thể như sau:

- Hàng hóa, dịch vụ từ nước ngoài nhập khẩu vào KTM-CN không phải chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT).

- Hàng hóa, dịch vụ từ KTM-CN xuất khẩu ra nước ngoài không phải chịu thuế GTGT. Hàng hóa, dịch vụ từ nội địa Việt Nam xuất vào KTM-CN được hưởng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0%. Điều kiện được hoàn thuế GTGT thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về hoàn thuế GTGT.

- Hàng hóa, dịch vụ từ KTM-CN đưa vào nội địa phải chịu thuế GTGT đối với hàng nhập khẩu theo quy định hiện hành.

- Hàng hóa, dịch vụ lưu thông trong nội bộ KTM-CN không phải chịu thuế GTGT.

1.5. Chính sách ưu đãi thuế đối với khách tham quan du lịch KTM-CN

- Khách tham quan du lịch trong và ngoài nước khi vào KTM-CN tại khu vực cửa khẩu Tịnh Biên được phép mua các loại hàng hóa mang về nội địa và được miễn thuế nhập khẩu, thuế giá

trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) nếu tổng giá trị hàng hóa không quá 500.000 đồng/người/ngày. Trường hợp tổng trị giá hàng hóa mua vượt mức quy định trên đây, người có hàng hóa phải nộp đủ thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với phần vượt định mức theo quy định của pháp luật hiện hành.

Khách tham quan du lịch có mua hàng hóa tại KTM-CN đem vào nội địa phải làm thủ tục kê khai hải quan tại Trạm kiểm soát hải quan cửa khẩu Tịnh Biên hoặc các Trạm kiểm soát hải quan trong KTM-CN.

- Khách tham quan du lịch trong và ngoài nước thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế theo hướng dẫn trên do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định cụ thể. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang chịu trách nhiệm ban hành Quy chế mua hàng miễn thuế tại KTM-CN trong đó có các quy định cụ thể sau:

+ Tiêu chuẩn cụ thể xác định đối tượng là khách tham quan du lịch được hưởng chính sách miễn thuế bao gồm các trường hợp khách tham quan du lịch theo đoàn của các công ty du lịch, khách du lịch có lưu trú và các trường hợp khác, đồng thời quy định rõ không bao gồm cư dân huyện biên giới có KTM-CN (được hưởng chính sách ưu đãi riêng theo quy định của pháp luật hiện hành).

+ Không chế số lượt mua hàng miễn thuế trong một khoảng thời gian nhất định của khách du lịch;

+ Quy trình quản lý việc mua hàng miễn thuế của khách du lịch để đảm bảo việc thực hiện Quy chế.

Quy chế mua hàng miễn thuế tại KTM-CN phải được thông báo bằng văn bản tới cơ quan thuế, cơ quan hải quan trực tiếp quản lý địa bàn Khu KTCK. Khi chưa có Quy chế về khách tham quan du lịch của KTM-CN thì không được thực hiện chính sách ưu đãi thuế đối với khách tham quan du lịch của KTM-CN.

- Khách tham quan du lịch KTM-CN là hành khách nhập cảnh vào Việt Nam qua các cửa khẩu bằng hộ chiếu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài cấp thì được hưởng chính sách mua hàng miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành về định mức hành lý người xuất cảnh, nhập cảnh và quà biếu, tặng nhập khẩu được miễn thuế. Trường hợp có mua các loại hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo chính sách áp dụng đối với khách tham quan du lịch KTM-CN thì phải khấu trừ phần giá trị đó trong định mức quy định đối với hành khách nhập cảnh bằng hộ chiếu nói trên.

2. Thủ tục Hải quan tại KTM-CN:

2.1. Đối với hàng hóa từ nước ngoài nhập khẩu vào KTM-CN:

Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh tại KTM-CN thực hiện kê khai hải quan và nộp hồ sơ hải quan theo quy định đối với từng loại hình nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu thuộc hải quan tỉnh An Giang (các Trạm kiểm soát hải quan KTM-CN) và phải chịu sự giám sát của các Trạm kiểm soát hải quan KTM-CN;

2.2. Đối với hàng hóa từ nước ngoài nhập khẩu vào nội địa qua cửa khẩu tỉnh An Giang: Thủ tục hải quan thực hiện tại các Chi cục Hải quan cửa khẩu thuộc hải quan tỉnh An Giang (các Trạm kiểm soát hải quan KTM-CN).

2.3. Đối với hàng hóa, dịch vụ từ nội địa đưa vào KTM-CN, cơ quan Hải quan làm thủ tục hải quan khi có yêu cầu. Thủ tục hải quan được thực hiện như sau:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh tại KTM-CN và tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong nội địa thực hiện kê khai hải quan và nộp hồ sơ hải quan theo quy định đối với từng loại hình xuất nhập khẩu. Trường hợp vận chuyển hàng hóa nội bộ giữa doanh nghiệp và chi nhánh trong và ngoài KTM-CN thì thay thế Hợp đồng mua bán bằng chứng từ xuất kho.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh nội địa đăng ký tờ khai xuất khẩu tại Chi cục Hải quan nội địa thì kê khai hải quan và nộp hồ sơ hải quan theo quy định đối với từng loại hình xuất khẩu; Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh tại KTM-CN kê khai hải quan và nộp hồ sơ hải quan theo quy định đối với từng loại hình nhập khẩu.

2.4. Đối với hàng hóa từ KTM-CN xuất khẩu ra nước ngoài:

Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh tại KTM-CN thực hiện kê khai hải quan và nộp hồ sơ hải quan theo đúng quy định hiện hành đối với từng loại hình xuất khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu thuộc hải quan tỉnh An Giang hoặc các Trạm kiểm soát hải quan trong KTM-CN.

2.5. Đối với hàng hóa từ nội địa xuất khẩu ra nước ngoài qua cửa khẩu tỉnh An Giang làm thủ tục hải quan tại các Chi cục Hải quan cửa khẩu thuộc hải quan tỉnh An Giang. Trong trường hợp làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan nội địa, việc vận chuyển hàng đến cửa khẩu tỉnh An Giang thực hiện theo quy định đối với hàng hóa xuất khẩu chuyên cửa khẩu.

2.6. Đối với hàng hóa từ KTM-CN đưa vào nội địa thủ tục hải quan thực hiện

tại Chi cục Hải quan cửa khẩu thuộc hải quan tỉnh An Giang (các Trạm kiểm soát Hải quan trong KTM-CN). Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh tại KTM-CN (bên bán) và tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh nội địa (bên mua) có trách nhiệm:

- Khai hải quan và nộp hồ sơ hải quan theo quy định đối với từng loại hình xuất nhập khẩu. Trường hợp vận chuyển hàng hóa nội bộ giữa doanh nghiệp và chi nhánh trong và ngoài KTM-CN hoặc doanh nghiệp trực tiếp mang hàng vào nội địa bán thì trong hồ sơ hải quan thay thế Hợp đồng bằng chứng từ xuất kho.

- Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh tại KTM-CN phải nộp thêm cho cơ quan Hải quan bản sao Tờ khai hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào KTM-CN nếu hàng hóa đưa vào nội địa là hàng hóa có nguồn gốc nước ngoài, bản sao có đóng dấu sao y bản chính có giá trị pháp lý hoặc bản sao có đóng dấu sao y bản chính của chính doanh nghiệp và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm pháp lý về bản sao đó.

- Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh tại KTM-CN (bên bán) phải nộp cho Chi cục Hải quan cửa khẩu thuộc hải quan tỉnh An Giang bản định mức nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong

sản phẩm nếu là hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại KTM-CN có sử dụng nguyên liệu, linh kiện của nước ngoài.

Cơ quan hải quan chịu trách nhiệm mở sổ theo dõi đối với từng Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh tại KTM-CN để thống kê và kiểm tra, đối chiếu với Phiếu xuất kho của sổ hàng hóa, dịch vụ đó.

2.7. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, tạm xuất - tái nhập, tạm nhập - tái xuất; chuyên khẩu; quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua KTM-CN chỉ được đi qua các công có trạm kiểm soát hải quan và làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan cửa khẩu tỉnh An Giang (các Trạm kiểm soát hải quan KTM-CN). Phương tiện vận tải nội địa đi qua Khu TM-CN phải chịu sự giám sát của Trạm kiểm soát Hải quan KTM-CN.

2.8. Ngoài các quy định tại Thông tư này, các bên liên quan phải thực hiện các nghĩa vụ khác quy định tại Luật hải quan, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất và thuê đất trong Khu KTCK

- Tổ chức, cá nhân sử dụng đất trong

Khu KTCK tỉnh An Giang được đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, sản xuất kinh doanh và có các quyền, nghĩa vụ tương ứng với hình thức được giao đất, thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Áp dụng chế độ một giá thuê đất đối với tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thuê đất, không phân biệt người Việt Nam hay người nước ngoài.

Đối với trường hợp giao lại đất, cho thuê đất mà không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang quyết định mức thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo từng dự án phù hợp với khung giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành.

4. Chế độ tín dụng đầu tư

Các doanh nghiệp trong nước thuộc các thành phần kinh tế có dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh tại Khu KTCK tỉnh An Giang được xem xét cho vay vốn tín dụng của Nhà nước theo quy định hiện hành của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển.

5. Chính sách giá, phí, lệ phí và thuế khác

- Ủy quyền cho Ban quản lý Khu

KTCK tỉnh An Giang được phép thu các loại phí, lệ phí liên quan đến việc cấp, gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép đầu tư, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân và doanh nghiệp trong và ngoài nước, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy phép lao động, Chứng chỉ xuất xứ hàng hóa; lệ phí người và phương tiện qua lại cửa khẩu tỉnh An Giang và các phí, lệ phí khác tương ứng với nhiệm vụ được các cơ quan quản lý Nhà nước ủy quyền theo quy định hiện hành.

Mọi khoản thu phí và lệ phí do Ban quản lý Khu KTCK thực hiện được để lại và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành. Khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, Ban quản lý Khu KTCK tỉnh An Giang có trách nhiệm thông báo và đăng ký với cơ quan thuế nơi Ban quản lý đặt trụ sở về việc thu các loại phí, lệ phí do thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền.

- Mức giá sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng, tiện ích công cộng và các dịch vụ chung cho KTM-CN như đường giao thông, bến cảng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, điện chiếu sáng, điện, nước, thông tin liên lạc là mức giá thỏa thuận

giữa các doanh nghiệp kinh doanh cơ sở hạ tầng và các đối tượng sử dụng.

- Các loại thuế, phí và lệ phí khác được thực hiện theo quy định hiện hành tại các Luật thuế, Pháp lệnh Phí và lệ phí và các văn bản pháp luật khác.

6. Chế độ ưu đãi phát triển cơ sở hạ tầng Khu KTCK

Khu KTCK tỉnh An Giang được hưởng các chính sách ưu đãi để phát triển cơ sở hạ tầng Khu KTCK. Việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của Khu KTCK tỉnh An Giang không được phá vỡ quy hoạch và thế phòng thủ bảo đảm nhiệm vụ quốc phòng tại khu vực cửa khẩu biên giới. Các chính sách ưu đãi cụ thể như sau:

6.1. Hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước để xây dựng cơ sở hạ tầng

a) Phạm vi, đối tượng đầu tư từ ngân sách nhà nước

Ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là NSNN) hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật- xã hội và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng quan trọng phục vụ chung cho Khu KTCK theo các chương trình mục tiêu được bố trí trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. NSNN chỉ hỗ trợ để đầu tư xây dựng cho các

công trình cơ sở hạ tầng chung của toàn Khu KTCK, kể cả các công trình ngoài Khu KTCK nhưng phục vụ trực tiếp Khu KTCK, không bao gồm cơ sở hạ tầng dành riêng cho từng khu chức năng trong Khu KTCK (Khu đô thị và dân cư, Khu du lịch, dịch vụ và Khu vực phát triển nông lâm nghiệp theo quy định tại Điều 8, Quyết định 65/2007/QĐ-TTg).

b) Nguyên tắc hỗ trợ đầu tư và việc quản lý, sử dụng vốn do ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư có mục tiêu để xây dựng cơ sở hạ tầng Khu KTCK:

Ngân sách nhà nước (ngân sách tỉnh An Giang và ngân sách trung ương) bảo đảm đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng của Khu KTCK tỉnh An Giang. Hàng năm, ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu một phần cho ngân sách tỉnh An Giang để đầu tư các dự án kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội quan trọng của Khu KTCK. Việc lập dự toán, quản lý và sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

6.2. Chế độ dùng quỹ đất để tạo vốn phát triển hạ tầng

Vốn được huy động từ quỹ đất theo

hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án trong đó có quyền sử dụng đất trong việc giao đất, cho thuê đất là nguồn vốn để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng Khu KTCK.

Việc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án trong đó có quyền sử dụng đất để giao đất, cho thuê đất nhằm tạo vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng Khu KTCK được thực hiện theo Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai, Nghị định 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai, Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg ngày 31/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

6.3. Huy động vốn bằng phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công trình và vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn vốn khác để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng Khu KTCK

Ban quản lý Khu KTCK trình UBND tỉnh An Giang phương án phát hành trái phiếu công trình để xây dựng các dự án

có quy mô lớn, giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển của Khu KTCK. Việc phát hành trái phiếu công trình của Ban quản lý Khu KTCK thực hiện theo quy định tại Nghị định số 141/2003/NĐ-CP ngày 20/11/2003 của Chính phủ về Quy chế phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các hình thức huy động khác theo quy định của pháp luật.

Các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, công trình dịch vụ tiện ích công cộng cần thiết của Khu KTCK và các trợ giúp kỹ thuật khác đối với Khu KTCK được đưa vào Danh mục dự án kêu gọi vốn ODA. Việc sử dụng vốn ODA thực hiện theo quy định hiện hành.

7. Chế độ tài chính áp dụng cho Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang:

Ban quản lý Khu KTCK là đơn vị dự toán NSNN cấp I của ngân sách tỉnh An Giang, là đầu mối giao dự toán của ngân sách tỉnh An Giang.

Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí xây dựng cơ bản và kinh phí hoạt động thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành về đầu tư xây dựng cơ bản và ngân sách nhà nước.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Mọi vướng mắc trong quá trình thực hiện đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung.

2. Ban quản lý Khu KTCK có trách nhiệm đảm bảo thực hiện đủ các điều kiện quy định tại Khoản 4, Mục I để KTM-CN được áp dụng chế độ tài chính quy định tại Thông tư này. Trường hợp chưa đủ các điều kiện quy định chưa được áp dụng.

3. Tổng cục Hải quan căn cứ vào các quy định về thủ tục hải quan tại Thông tư này để chỉ đạo thực hiện về quy trình, thủ tục hải quan áp dụng tại KTM-CN.

4. Cục Hải quan tỉnh An Giang có trách nhiệm;

- Tổ chức công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, ngăn chặn việc nhập khẩu trái phép hàng hóa từ KTM-CN vào nội địa và tại các khu vực khác trong địa bàn hoạt động của hải quan.

- Phối hợp với Ban quản lý Khu KTCK và các cơ quan liên quan (Thuế, Công an, Biên phòng) thực hiện công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, ngăn chặn nhập khẩu trái phép hàng hóa từ KTM-CN vào nội địa.

5. Cơ quan hải quan KTM-CN thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hàng hóa, phương tiện vận tải, phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; tổ chức các trạm hải quan theo quy định, phù hợp với đặc điểm địa lý KTM-CN để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

6. Sau 02 năm thực hiện thông tư này, Ban quản lý Khu KTCK tổng kết, đánh giá việc áp dụng một số chính sách ưu đãi bổ sung về tài chính tại Khu KTCK tỉnh An Giang và gửi báo cáo tổng kết cho Bộ Tài chính./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Tá